**Tiết: ….: VB2: *TRAO DUYÊN***

***(TRÍCH “TRUYỆN KIỀU”)***

***-Nguyễn Du-***

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

**I. MỤC TIÊU BÀI DẠY**

**1. Kiến thức**

+ Một số tri thức về thể loại truyện thơ Nôm (định nghĩa, phân loại, cốt truyện, ngôn ngữ,…)

+ Tâm trạng đầy mâu thuẫn, phức tạp, bế tắc của Thúy Kiều trong đêm trao duyên. Qua đó thấy được sự đồng cảm mạnh mẽ, sâu sắc của Nguyễn Du đối với hoàn cảnh đau khổ và phẩm chất cao quý của Kiều: giàu đức hi sinh, lòng vị tha.

+ Cách sử dụng ngôn từ điêu luyện, tuyệt vời cùng với sự kết hợp ngôn ngữ dân gian và bác học đặc sắc, đặc biệt là nghệ thuật phân tích tâm lí nhân vật hết sức tài tình của Nguyễn Du.

**2. Năng lực**

**-** *Năng lực chung:*

+ Tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề: Biết thu thập và làm rõ các thông tin liên quan đến vấn đề, tự học khi tìm hiểu, biết đề xuất và giải quyết các vấn đề trong văn bản.

+ Giao tiếp và hợp tác: Hợp tác khi làm việc nhóm tìm hiểu các nội dung liên quan đến văn bản.

- *Năng lực đặc thù:*

+ Năng lực văn học: Phân tích được diễn biến tâm trạng đầy mâu thuẫn, phức tạp, bế tắc của Thúy Kiều trong đêm trao duyên. Qua đó thấy được sự đồng cảm mạnh mẽ, sâu sắc của Nguyễn Du đối với hoàn cảnh đau khổ và phẩm chất cao quý của Kiều: giàu đức hi sinh, lòng vị tha.

+ Năng lực ngôn ngữ: Nhận xét, đánh giá được cách sử dụng ngôn từ điêu luyện, tuyệt vời cùng với sự kết hợp ngôn ngữ dân gian và bác học đặc sắc, đặc biệt là nghệ thuật phân tích tâm lí nhân vật hết sức tài tình của Nguyễn Du.

+ Liên hệ, so sánh giữa các văn bản, kết nối văn bản với sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du.

**3. Phẩm chất**

- Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm:

+ Hiểu được vẻ đẹp tâm hồn, tài năng cùng những đóng góp to lớn của đại thi hào đối với sự phát triển của văn học dân tộc; từ đó có ý thức phát huy di sản văn học của đại thi hào và nuôi dưỡng lòng nhân đạo, tình yêu nước.

+Lòng kính yêu cha mẹ, gia đình, tình yêu chung thủy và sự quan tâm chăm sóc đối với mọi người xung quanh.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mụctiêu**:

- Tạo tâm thế hứng thú, HS sẵn sàng tiếp cận bài học.

- HS kết nối kiến thức của bài học trước vào nội dung của bài học.

**b. Sản phẩm:** Ô chữ chủ đềbài học.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV tổ chức hoạt động giải ô chữ với nội dung hỏi – đáp về Truyện Kiều  - Giáo viên tổ chức trò chơi: Chọn1 HS làm MC dẫn chương trình, GV làm nhiệm vụ hỗ trợ.  ***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ***  Học sinh tham gia.  ***Bước 3. Báo cáo, thảo luận***  Học sinh trả lời  ***Bước 4. Kết luận, nhận định***  Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học: Ô chữ chủ đề: TRUYỆN KIỀU – NGUYỄN DU.  ***“Truyện Kiều”****còn có tên gọi khác là****“Đoạn trường tân thanh”****, có nghĩa là tiếng kêu đứt ruột. Trong tác phẩm có vô vàn tiếc kêu thương được cất lên mà đoạn trích****“Trao duyên”*** *có lẽ là “tiếng kêu đứt ruột” đầu tiên khởi đầu một chuỗi dài đau thương chất chồng lên cuộc đời truân chuyên của một người con gái tài sắc. Vậy những đau thương mà nàng Kiều phải chịu đựng ở đây là gì, hôm nay cô trò chúng ta sẽ đi vào tìm hiểu đoạn trích****“Trao duyên”****.* | **Nội dung câu hỏi ô chữ:**  **1. Tên chữ của Nguyễn Du?**Tố Như  **2. Tên gọi khác của Truyện Kiều?**Đoạn trường tân thanh.  **3. Nhân vật xuất hiện trong đoạn trích “Kiều báo ân, báo oan” nổi tiếng ghen tuông.**Hoạn Thư  **4. Điền từ còn trống vào câu thơ sau**  **“Hoa cười ngọc thốt …………**  **Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da”**  Đoan trang  **5. Điền từ còn trống vào câu thơ sau**  **“…….tài tử giai nhân**  **Ngựa xe như nước, áo quần như nêm”**  Dập dìu  **6. Truyện Kiều được sáng tác theo thể thơ nào?**  Lục bát  **7. Em gái của Thúy Kiều là ai?**  Thúy Vân  **8. Truyện Kiều được sáng tác dựa vào cốt truyện nào của Thanh Tâm Tài Nhân?**  Kim Vân Kiều Truyện  **9. Truyện Kiều được sáng tác bằng chữ gì?**  Chữ Nôm |

# HOẠT ĐỘNG 2. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG

1. **Mụctiêu:**

- Nhận biết được những đặc điểm tiêu biểu của thể loại truyện thơ Nôm, bối cảnh lịch sử, môi trường gia đình, cuộc đời tác giả với đọc hiểu thơ văn Nguyễn Du và nghệ thuật Truyện Kiều

- Thể hiện được năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác.

**b. Sản phẩm:** Bài trình bày của nhóm HS.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***1. Hoạt động giới thiệu tri thức thể loại***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  **-** Giao nhiệm vụ học tập:Đọc phần Kiến thức ngữ văn kết hợp với hiểu biết cá nhân và tóm tắt vào phiếu học tập số 01.   |  | | --- | | Đặc điểm thể loại Truyện thơ Nôm | | Khái niệm  .…………………………………………..  …………………………………………………………………………………………  …………………………………………… | | Phân loại  .…………………………………………..  …………………………………………………………………………………………  …………………………………………… | | Cốt truyện  .…………………………………………..  …………………………………………………………………………………………  …………………………………………… | | Nhân vật  .…………………………………………..  …………………………………………………………………………………………  …………………………………………… | | Ngôn ngữ  .…………………………………………..  …………………………………………………………………………………………  …………………………………………… |   ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệmvụ***  - HS trình bày sản phẩm của cá nhân bằng lời nói hoặc kết hợp giữa lời nói với các phương tiện hỗ trợ (ảnh, thông tin trên web).  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảoluận***  ***-*** HS thảo luận, trả lời  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét và chốt lại các khái niệm, mở rộng, minh họa để học sinh nắm rõ hơn kiến thức.  - GV nhận xét và chốt lại các thông tin chính. | **I. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Thể loại: Truyện thơ Nôm**  **a. Định nghĩa**: Là truyện thơ được viết bằng chữ Nôm, phần lớn theo thể thơ lục – bát; truyện vừa phản ánh cuộc sống qua một cốt truyện với hệ thống nhân vật, sự kiện vừa bộc lộ thái độ, cảm xúc, tâm trạng của nhân vật, của tác giả.  **b. Phân loại**: Căn cứ vào nội dung và nghệ thuật của tác phẩm, có thể chia truyện thơ Nôm thành hai nhóm một cách tương đối: truyện thơ Nôm bình dân và truyện thơ Nôm bác học.  **c. Cốt truyện** của truyện thơ Nôm nhìn chung được xây dựng theo mô hình khá ổn định với ba phần cơ bản: Gặp gỡ - Thử thách - Đoàn tụ  **d. Nhân vật** truyện thơ Nôm thường được phân theo loại chính diện và phản diện, tương ứng với chính - tà, thiện - ác, tốt - xấu. Nhân vật truyện thơ Nôm phần nhiều được miêu tả với những biểu hiện bên ngoài hơn là với đời sống nội tâm. Tính cách nhân vật thường tĩnh tại, ít có sự vận động và phát triển, những tác động của hoàn cảnh có tác dụng làm rõ hơn tính cách đã được định hình.  **e. Ngôn ngữ:**Truyện thơ Nôm hay sử dụng ngôn ngữ gián tiếp. Người kể chuyện thường ở ngôi thứ ba. |
| ***2. Hoạt động đọc văn bản***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao nhiệm vụ học tập:   * Đọc thành tiếng văn bản sau khi lắng nghe phần hướng dẫn đọc, bản đọc mẫu. * GV đọc chú thích và giải thích thêm cho HS * Hoàn thiện phiếu bài tập tìm hiểu chung về đoạn trích (PHT CÁ NHÂN)  |  | | --- | | **Phiếu học tập 02:**   1. Em hãy nêu bối cảnh đoạn trích. 2. Nhan đề Trao duyên có thể hiểu như thế nào? 3. Căn cứ vào nội dung văn bản có thể chia văn bản thành mấy phần? Nội dung từng phần? |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc diễn cảm văn bản.  - Trong quá trình đọc, gặp các thẻ câu hỏi (ô bên phải văn bản) theo dõi dừng lại 1 phút để suy ngẫm (nếu  đọc thầm cá nhân)  - HS nhận xét về kĩ năng đọc diễn cảm của bạn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo, trình bày phiếu học tập, chia sẻ những lời nhận xét của bản thân khi thực hiện các câu hỏi theo dõi trong văn bản.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá về kết quả đọc trực tiếp của HS, thái độ của HS với việc đọc, việc trả lời câu hỏi theo dõi. | **2. Đoạn trích “Trao duyên”**  **a. Bối cảnh đoạn trích**  - Gia đình Kiều mắc oan do lời vu cáo của tên bán tơ.  - Bọn sai nha ập đến nhà Kiều, bắt giam, đánh đập dã man cha và anh trai.  - Trước cơn gia biến, Kiều hi sinh mối tình với Kim Trọng để “bán mình chuộc cha”.  - Trước khi theo Mã Giám Sinh, nàng nhờ cậy em gái là Thuý Vân thay mình kết duyên với Kim Trọng.  - Vị trí đoạn trích: Thuộc phần 2 của tác phẩm: Gia biến và lưu lạc.  **b. Nhan đề**  - Giải nghĩa:  + Trao: cho đi, đưa cho người khác một vật gì đó.  + Duyên: thường chỉ ý trời định khả năng gắn bó giữa nam – nữ, con người với nhau.  🡪 Trao duyên: gửi duyên, gửi tình của mình cho người khác, nhờ người khác chắp mối tình dang dở của mình.  **c. Bố cục:**  + P1: **12 câu đầu**: Thúy Kiều tìm cách thuyết phục, trao duyên cho Thúy Vân.  + P2: **14 câu tiếp**: Thúy Kiều trao kỉ vật cho em và dặn dò em.  + P3: **8 câu còn lại**: Tâm trạng đau đớn, tuyệt vọng của Thúy Kiều. |

**HOẠT ĐỘNG 3: TỔ CHỨC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**a. Mụctiêu:**

- Nhận biết và phân tích được vẻ đẹp của văn bản đoạn trích qua những đặc trưng: từ ngữ, vần nhịp, đối, hình ảnh, nhân vật trữ tình.

- Phân tích được nội dung, những giá trị nghệ thuật của tác phẩm.

**b. Sản phẩm:**Phần trình bày phiếu học tập.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| 1. **Hoạt động Đọc – hiểu văn bản**   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** Giáo viên chia nhóm, HS hoàn thành phiếu học tập tìm hiểu về từng đoạn của đoạn trích.  **Thời gian: 15ph**  **Chia sẻ: 5ph/nhóm**  **Nhóm 1: Thực hiện yêu cầu của PHT số 03**  1. Khi thuyết phục Thuý Vân, Thuý Kiều đã có lời nói, hành động và lí lẽ như thế nào để thuyết phục Thuý Vân?  2. Theo em, Thuý Vân có thực sự đồng ý nhận duyên từ người chị của mình hay không?  3. Nếu em là Thuý Vân, bạn sẽ hành xử như thế nào?  **Nhóm 2: Thực hiện yêu cầu của PHT số 04**  1. Sau khi thuyết phục em, Thúy Kiều trao kỉ vật gì cho Thúy Vân? Những kỉ vật đó có ý nghĩa như thế nào đối với Kiều?  2. Trong lúc trao kỉ vật, Kiều dặn dò Vân những gì?  3. Tâm trạng của Kiều như thế nào sau khi trao kỉ vật?  **Nhóm 3: Thực hiện yêu cầu của PHT số 05**  1. Ngôn ngữ nhân vật có sự thay đổi như thế nào ở đoạn thơ cuối?  2. Tâm trạng Thuý Kiều có sự chuyển biến ra sao thông qua việc chuyển đổi lời thoại đó.  3. Theo em, tư thế và tâm trạng của Kiều như thế nào trước và sau khi thét lên hai tiếng kêu cuối cùng?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh đọc văn bản và thảo luận  - HS thảo luận, hoàn thành lần lượt từng phiếu học tập tương ứng, theo các chỉ dẫn trên PHT  - HS trả lời câu hỏi vấn đáp với GV.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Các nhóm cử đại diện báo cáo kết quả trước lớp.  - HS nhóm khác bổ sung  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, kết luận | **II.ĐỌC HIỂU VĂN BẢN:**  **1. Thuý Kiều thuyết phục và trao duyên cho Thúy Vân (12 câu đầu)**  **a) Hai câu đầu: Lời nhờ cậy**  - *Cậy*: nhờ cậy, trông mongg  - *chịu lời*: nhận lời gượng gạo, nài ép  *- Lạy:* trang nghiêm, hệ trọng.  - *Thưa*: kính cẩn, trang trọng với bề trên hoặc người lớn tuổi hơn mình.         → Không khí trao duyên trang trọng, thiêng liêng.         → Sự việc bất ngờ, phi lý mà lại hợp lý, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc sắp nhờ, thấy được sự nhạy cảm, tinh tế và khôn khéo của Thúy Kiều.  **- *Nhận xét:***  ***+ Từ ngữ chuẩn xác: Vừa trông cậy, vừa nài ép.***  ***+ Hành động trang trọng.***  ***+ Tình cảm chân thành.***  **b) Mười câu còn lại: Lí lẽ trao duyên của Thúy Kiều**  - Cảnh ngộ của Thúy Kiều:      + “đứt gánh tương tư”: mối tình dở dang, đứt quãng.  + “sóng gió bất kì”: tai họa ập đến gia đình nàng.      + “Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai”: Lựa chọn giữa hiếu và tình.      + “mối tơ thừa”: mối tình duyên Kim-Kiều; “chắp mối”: Thúy Vân là người nhận lại mối tình dang dở đó → cách nói nhún nhường, trân trọng vì Kiều hiểu rõ sự thiệt thòi của em.      + “mặc em”: phó mặc, ủy thác → vừa có ý mong muốn vừa có ý ép buộc Thúy Vân phải nhận lời.  - Thúy Kiều kể vắn tắt mối tình với Kim Trọng:  *+ Khi gặp chàng Kim*  *+ Khi ngày quạt ước*  *+ Khi đêm chén thề*          → Mối tình còn dang dở, lời hẹn ước của Thúy Kiều với Kim Trọng vẫn còn đó.  - Lời lẽ thuyết phục Thúy Vân:      + “ngày xuân”: Thúy Vân còn trẻ, còn có tương lai.      + “xót tình máu mủ”: Tình chị em, tình ruột thịt thiêng liêng.      + “thịt nát xương mòn”, “ngậm cười chín suối”: Nàng tưởng tượng đến cái chết của mình để gợi sự thương cảm ở Thúy Vân.          → Cách lập luận hết sức chặt chẽ, thấu tình cho thấy Thúy Kiều là người sắc sảo tinh tế, có đức hi sinh, một người con hiếu thảo, trọng tình nghĩa          ⇒ 12 câu thơ đầu là lời nhờ cậy, giãi bày, thuyết phục của Thúy Kiều với Thúy Vân trước một sự việc hệ trọng mà nàng sắp thực hiện.  **2. Thuý Kiều trao kỉ vật và dặn dò em (14 câu tiếp theo)**  **a) Sáu câu thơ đầu: Thuý Kiều trao kỉ vật cho em**  - Kỉ vật: *Chiếc vành, bức tờ mây, phím đàn, mảnh hương nguyền*          → Những kỉ vật thiêng liêng, quan trọng đối với Thúy Kiều và Kim Trọng.  Thuý Kiều muốn được trở về hiện diện trong tình yêu, nhận được sự đồng cảm của Kim Trọng.  - Cách sử dụng từ ngữ: *Duyên này thì giữ, vật này của chung*      + *Duyên này*: tình riêng của Kiều với Kim Trọng      + *Vật này của chung*: của kim, Kiều và của cả Vân nữa      + *Của tin*: những kỉ vật gắn bó, chứng giám cho tình yêu của Kim, Kiều.  → Sự giằng xé trong tâm trạng của Thúy Kiều.  **b) Tám câu còn lại: Lời dặn dò của Thúy Kiều**  - Từ ngữ mang tính giả định: *mai sau, dù có*          → Kiều tưởng tượng về cảnh ngộ của mình trong tương lai.  - Hình ảnh: *lò hương, ngọn cỏ, lá cây, hiu hiu gió, hồn, thân bồ liễu, đềnnghì trúc mai, dạ đài, giọt nước, người thác oan*          → Gợi ra cuộc sống cõi âm, đầy thần linh, ma mị.  - Nhịp điệu: chậm rãi, nhịp nhàng, thiết tha, tức tưởi như tiếng khóc não nùng, cố nén lại để không bật lên thành lời.   → Sự giằng xé, đau đớn và nhớ thương Kim Trọng đến tột cùng của Kiều.          ⇒ 14 câu thơ tiếp là một khối mâu thuẫn lớn trong tâm trạng Thúy Kiều: trao kỉ vật cho em mà lời gửi trao chất chứa bao đau đớn, giằng xé và chua chát.  **3. Thuý iều tâm sự với Kim Trọng và trở về nỗi tuyệt vọng (còn lại)**  - Sử dụng các thành ngữ chỉ sự tan vỡ, dở dang, bạc bẽo, trôi nổi của tình duyên và số phận con người: *trâm gãy gương tan, hoa trôi lỡ làng, phận bạc như vôi*  - Nghệ thuật đối lập giữa quá khứ và hiện tại gợi nên nỗi đau của Kiều ở hiện tại.  - Nghệ thuật độc thoại nội tâm: Lời nói hướng đến Kim Trọng (người vắng mặt) nhưng lại là tự dằn vặt, dày vò chính mình.     → Tâm trạng của Thúy Kiều: vật vã, đau đớn rồi ngất đi trong tiếng kêu thảng thốt, ai oán.          ⇒ Tâm trạng đau đớn đến cùng cực của Thúy Kiều khi hướng về tình yêu của mình và Kim Trọng. |

**HOẠT ĐỘNG 4: TỔNG KẾT**

1. **Mụctiêu:**

* Khái quát các giá trị nổi bật của văn bản về nội dung và nghệ thuật.
* Khái quát đặc điểm thể loại thông qua văn bản và rút ra cách đọc

**b. Sản phẩm:**Câu trả lời của học sinh.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trao đổi với bạn cùng bàn và trìnhbày những phương diện nội dung và nghệ thuật đặc sắc đã làm nên sự thành công của tác phẩm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS làm việc theo bàn  **Bước 3: Báo cáo kết quả, thảo luận:** - Câu trả lời của HS  **Bước 4: Đánh giá kết quả:**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại vấn đề. | **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ lục bát giàu nhạc tính, cách ngắt nhịp linh hoạt  - Nghệ thuật miêu tả nội tâm, xây dựng lời thoại độc thoại sinh động, kết hợp việc sử dụng ngôn ngữ trang trọng với lối nói dân gian giản dị.  - Sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, các thành ngữ, điển cố điển tích,…  **2. Nội dung:**  - Diễn tả sâu sắc diễn biến tâm trạng phức tạp và bế tắc của Thuý Kiều trong bi kịch tình yêu. Từ đó giúp người đọc nhận thức được giá trị của tình yêu và sự chung thủy trong cuộc sống.  **3. Cách đọc hiểu loại văn bản**  **-** Tìm hiểu chung về nhan đề, bối cảnh đoạn trích.  - Phân chia bố cục, tìm hiểu nội dung theo cốt truyện  - Xác định nhân vật chính, phân tích nội dung và nghệ thuật đặc sắc của văn bản (thể thơ, cách ngắt nhịp, biện pháp tu từ, miêu tả tâm lí nhân vật,…)  - Rút ra ý nghĩa văn bản. |
| ***2. Luyện tập, liên hệ, mở rộng, kết nối***  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ:   1. Trả lời câu hỏi trắc nghiệm 2. Nêu cảm nhận về nhân vật Thúy Kiều qua đoạn trích và đánh giá hành động trao duyên của Kiều 3. Chọn 1 trong 2 vấn đề sau và viết một đoạn văn khoảng 10-15 câu:   **Vấn đề 1: Bàn về lòng thủy chung**  **Vấn đề 2: Duyên phận** dù là kì ngộ (cuộc gặp gỡ kì lạ) hay hạnh ngộ (cuộc gặp gỡ may mắn) đều đem đến cho chúng ta trải nghiệm đáng nhớ.  Liên hệ với cuộc sống của cá nhân, theo con mỗi người chúng ta gặp có phải đều mang lại một ý nghĩa và giá trị cho cuộc đời hay không? Lấy ví dụ.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh nêu ý kiến  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo. | **4. Luyện tập**  Câu 1. Việc trao duyên của Thúy Kiều cho Thúy Vân diễn ra khi nào?  A. Trước khi Kiều thu xếp việc bán mình.  B. Trong khi Kiều đang thu xếp việc bán mình.  C. Sau khi Kiều đã thu xếp việc bán mình.  D. Trước khi Kiều từ biệt gia đình theo Mã Giám Sinh.  Đáp án C  Câu 2. Vì sao Kiều lại phải lạy Vân rồi mới nói chuyện “trao duyên”?  A. Kiều thích quan trọng hóa vấn đề.  B. Đây là câu chuyện nhờ vả thiêng liêng, quan trọng.  C. Có làm như vậy Vân mới nhận lời.  D. Đây là một nghi lễ không thể thiếu khi nhờ vả.  Đáp án B  ***Câu 3. Câu “Bây giờ trâm gãy, gương tan***  ***Kể làm sao xiết muôn vàn ái ân” nói về điều gì?***  A. Nỗi đau của Kiều khi mối tình đầu tan vỡ  B. Nỗi đau của Kiều khi trao duyên cho Vân  C. Nỗi đau của Kiều khi những kỉ vật tình yêu không thuộc về mình  D. Nỗi đau của Kiều khi phải xa gia đình  Đáp án A  Gợi ý:   1. Qua đoạn Trao duyên ta cảm nhận được vẻ đẹp của nhân vật Thúy Kiều: nàng là người con gái tài sắc vẹn toàn, một người con hiếu thảo, giàu ân tình và có tấm lòng thủy chung son sắt tuy nhiên cuộc đời nàng lại gặp bao sóng gió, bất công. |

**\* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

**-** Ôn lại và nắm chắc kiến thức đã học

- Hoàn thiện bài tập.

**- Soạn bài: Đọc Tiểu Thanh kí – Nguyễn Du.**

***Phụ lục.***

1. ***Phiếu học tập***

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 01**  Yêu cầu: Hãy đọc phần: *Kiến thức Ngữ văn*trong sách giáo khoa trang 35 – 36 và lựa chọn từ ngữ điền vào bảng phía dưới đây: |
| Đặc điểm thể loại Truyện thơ Nôm |
| Khái niệm  .……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |
| Phân loại  .……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |
| Cốt truyện  .……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |
| Nhân vật  .……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |
| Ngôn ngữ  .……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập 02:**   1. Em hãy nêu bối cảnh đoạn trích.   ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………   1. Nhan đề Trao duyên có thể hiểu như thế nào?   ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………   1. Căn cứ vào nội dung văn bản có thể chia văn bản thành mấy phần? Nội dung từng phần?   ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………………… |

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập 03:**  1. Khi thuyết phục Thuý Vân, Thuý Kiều đã có lời nói, hành động và lí lẽ như thế nào để thuyết phục Thuý Vân?  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………  2. Theo em, Thuý Vân có thực sự đồng ý nhận duyên từ người chị của mình hay không?  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………  3. Nếu em là Thuý Vân, bạn sẽ hành xử như thế nào? ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………… |

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập 04:**  1. Sau khi thuyết phục em, Thúy Kiều trao kỉ vật gì cho Thúy Vân? Những kỉ vật đó có ý nghĩa như thế nào đối với Kiều?  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….………………………………………………………………………………  2. Trong lúc trao kỉ vật, Kiều dặn dò Vân những gì?  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………  3. Tâm trạng của Kiều như thế nào sau khi trao kỉ vật? ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………… |

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập 05:**  1. Ngôn ngữ nhân vật có sự thay đổi như thế nào ở đoạn thơ cuối? ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………  2. Tâm trạng Thuý Kiều có sự chuyển biến ra sao thông qua việc chuyển đổi lời thoại đó. ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………  3. Theo em, tư thế và tâm trạng của Kiều như thế nào trước và sau khi thét lên hai tiếng kêu cuối cùng? ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………… |

1. ***Rubic chấm phần thảo luận nhóm (Tham khảo)***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Yêu cầu cần đạt** | **Trọng số** | **Mô tả chất lượng** | | | | **Điểm** |
| **100%**  **(10 điểm)** | **Cần cố gắng** | **Đạt** | **Tốt** | **Xuất sắc** |
| **(0 – 4.9)** | **(5.0 – 6.9)** | **(7.0 – 8.4)** | **(8.5 – 10)** |
| **Hình thức báo cáo** | Sản phẩm hoàn thiện về mặt hình thức (Giấy A3/A0 hoặc powerpoint hoặc bản word hoặc hình ảnh…) | **20%**  **(2 điểm)** | **(0 điểm)**  1. Bài làm sơ sài  2. Chữ viết cẩu thả/lỗi font chữ, sai lỗi chính tả | **(1 điểm)**  1. Bài làm sạch đẹp, rõ ràng  2. Không lỗi font/ chữ viết dễ nhìn  3. Mắc lỗi nhỏ về chính tả (Dưới 2 lỗi) | **(1.5 điểm)**  1. Bài làm sạch đẹp, rõ ràng.  2. Không lỗi font/chữ đẹp, dễ nhìn  3. Không mắc lỗi chính tả | **(2 điểm)**  1. Bài làm sạch đẹp, rõ ràng.  2. Không lỗi font/chữ đẹp, dễ nhìn  3. Không mắc lỗi chính tả  4. Có sự sáng tạo trong hình thức |  |
| **Nội dung báo cáo/Chất lượng sản phẩm** | Sản phẩm hoàn thiện về phần nội dung (Thực hiện đúng trọng tâm nhiệm vụ, trả lời đầy đủ các ý và câu hỏi phụ) | **40%**  **(4 điểm)** | **(0 – 1.5 điểm)**  1. Nội dung bài làm quá sơ sài, chỉ gạch vài ý đầu dòng, chưa có liên hệ, dẫn chứng, phản biện.  2. Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  3. Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn | **(1.6 – 2.5 điểm)**  1. Nội dung bài làm dừng ở mức độ nhận biết, trả lời theo dẫn chứng có sẵn ở tài liệu  2. Trả lời đúng câu hỏi trọng tâm  3. Không trả lời đủ các câu hỏi gợi dẫn (Dưới 2 câu) | **(2.6 – 3.0 điểm)**  1. Nội dung bài làm ở mức độ nhận biết, thông hiểu.  2. Trả lời đúng câu hỏi trọng tâm  3. Trả lời được toàn bộ câu hỏi gợi dẫn tới vấn đề  4. Có thêm các phần dẫn chứng, liên hệ, phản biện. | **(3.1 – 4.0 điểm)**  1. Nội dung bài làm ở mức độ nhận biết, thông hiểu.  2. Trả lời đúng câu hỏi trọng tâm  3. Trả lời được toàn bộ câu hỏi gợi dẫn tới vấn đề  4. Có thêm các phần dẫn chứng, liên hệ, phản biện.  5. Có sự sáng tạo riêng |  |
| **Kĩ năng trình bày** | Trình bày tự tin, giọng điệu rõ ràng, hiểu vấn đề trình bày | **10%**  **(1 điểm)** | **(0 điểm)**  Nói nhỏ, không tự tin và không giao tiếp người nghe | **(0.1 – 0.5 điểm)**  Nói nhỏ, tương đối tự tin, ít giao tiếp người nghe | **(0.6 - < 1 điểm)**  Nói vừa đủ, tương đối tự tin, thỉnh thoảng giao tiếp người nghe | **(1 điểm)**  Nói to, rõ ràng, tự tin và giao tiếp người nghe tốt |  |
| **Trả lời câu hỏi phản biện** | Hiểu vấn đề trình bày và linh hoạt xử lí các tình huống | **10%**  **(1 điểm)** | **(0 điểm)**  Trả lời dưới 1/2 số câu hỏi đặt ra | **(0.1 – 0.5 điểm)**  Trả lời trên 1/2 số câu hỏi đặt ra | **(0.6 - < 1 điểm)**  Trả lời được 2/3 số câu hỏi đặt ra | **(1 điểm)**  Trả lời được toàn bộ số câu hỏi đặt ra |  |
| **Hiệu quả nhóm** | Đoàn kết, có sự đồng thuận, tất cả thành viên đều có nhiệm vụ riêng | **10%**  **(1 điểm)** | **(0 điểm)**  Chỉ khoảng 40% thành viên tham gia hoạt động | **(0.1 – 0.5 điểm)**  1. Hoạt động gắn kết  2. Có sự đồng thuận  3. Khoảng 60% thành viên tham gia hoạt động | **(0.6 - < 1 điểm)**  1. Hoạt động gắn kết  2. Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  3. Khoảng 80% thành viên tham gia hoạt động | **(1 điểm)**  1. Hoạt động gắn kết  2. Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  3. Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |  |
| **ĐIỂM TỔNG** | | | | | | | |